TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:05/2018/DS-ST
Ngày 17/5/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Văn Thanh;
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Minh Khôi;
Ông Phạm Văn Miền
-Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/5/2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Thôn TG, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt
- Bị đơn: Bà Lê Thị S và anh Nguyễn Xuân H,
Cùng địa chỉ: Thôn IG, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Theo nguyên đơn, ông Nguyễn Tiến N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 18/01/2013 (Âm lịch), tôi có cho bà Lê Thị S và con trai bà S là anh Nguyễn Xuân H, cùng địa chỉ: Thôn IG, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khi vay có viết "Giấy vay tiền", có chữ ký nhận của bà S và anh H. Lãi suất thỏa thuận là 3% tháng. Thời hạn cho vay là 02 tháng, bà S và anh H phải trả hết tiền gốc và tiền lãi. Khi đến hạn mẹ con bà S không trả được, sau đó bà S anh H xin trả lãi Hng tháng, còn về nợ

gốc chúng tôi không thoả thuận lại về thời hạn trả, nhưng do bà S, anh H không thực hiện trả lãi hàng tháng nên tôi phải kiện yêu cầu trả nợ gốc và trả nợ lãi. Từ khi vay đến nay, bà S và anh H mới trả cho tôi được 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) tiền lãi, trả làm nhiều lần, lần cuối cùng vào ngày 18/12/2014 Âm lịch tính ra Dương lịch là ngày 06/02/2015, bao gồm bà S trực tiếp trả và bà C trả hộ bà S.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị S và anh Nguyễn Xuân H phải trả cho tôi làm một lần toàn bộ tiền gốc và tiền lãi theo với mức lãi suất 3%/tháng , tính từ 06/02/2015 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Tôi không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

– Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Theo bị đơn bà Lê Thị S trình bày:

Vào ngày 18/01/2013 âm lịch tôi và con trai tôi là Nguyễn Xuân H có vay của ông Nguyễn Tiến N ở thôn TG, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Đến ngày 20/7/2013 âm lịch, tôi mang trả cho ông N tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 6 tháng 02 ngày là 9.100.000 đồng (Chín triệu một trăm ngàn đồng), tổng cộng cả gốc lẫn lãi tôi đã trả cho ông N là 59.100.000 đồng (Năm mươi chín triệu một trăm ngàn đồng). Khi trả tiền cho ông N thì chỉ có một mình tôi đi trả, tôi nói với ông N "chị trả cho chú xong rồi, chú gạch sổ đi cho chị nhé", chứ không viết giấy tờ trả nợ gì cả. Khi tôi trả tiền cho ông N, có bà C ở Ia Din cũng đi vay tiền có mặt ở đó. Tôi không biết rõ họ và địa chỉ của bà C nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Vì tôi đã trả đủ cho ông N cả tiền gốc và lãi tổng cộng là 59.100.000 đồng (Năm mươi chín triệu một trăm ngàn đồng) nên tôi không chấp nhận trả cho ông N thêm một khoản tiền nào nữa. Tôi không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

– Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Theo bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Tôi là con trai của bà Lê Thị S. Tôi nhất trí như lời trình bày của mẹ (bà S), tôi không bổ sung gì thêm.

-Chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

+01 Giấy vay tiền, đề ngày 18/01/2013 âm lịch (Bản gốc, bút lục (02) do nguyên đơn cung cấp.

+01 tờ giấy kẻ ô phô tô (BL15) và 01 tờ giấy kẻ ô (BL15 a) thể hiện vay nợ tiền và trả nợ gốc và trả nợ lãi do bị đơn cung cấp,

Tại phiên tòa:

+Ý kiến các đương sự:

- Không thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, không cung cấp thêm chứng cứ.

-Không yêu cầu triệu tập người làm chứng, không đề nghị đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.

-Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị buộc bị đơn trả nợ lãi theo pháp luật quy định.

+Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-Về tuân theo pháp luật tố tụng:Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến N, buộc bà Lê Thị S và anh Nguyễn Xuân H phải trả cho ông N số tiền nợ gốc và nợ lãi là 73.862.500đ - 34.000.000đ tiền lãi ông N đã nhận, số tiền còn lại bà S và anh H phải trả cho ông Nói là 39.862.500đ.

- Về án phí: Bà S thuộc diện hộ cận nghèo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bà S và tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông N.

(Có văn bản phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên kèm theo hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về căn cứ pháp luật áp dụng và thời hiệu khởi kiện giải quyết vụ án:

Theo nội dung, hình thức giao dịch đang được thực hiện của các đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung giao dịch của các đương sự khác với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 *(thoả thuận lãi suất 3%/tháng = 36%/ năm)*. Do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự số: 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số: 33/2005/QH11 để giải quyết nội dung vụ án là phù hợp. Về thời hiệu khởi kiện các đương sự không yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện và nguyên đơn trình bày, khi vay thoả thuận thời hạn cho vay là 02 tháng, nhưng khi đến hạn bị đơn không trả được nợ lãi và nợ gốc, nên xin trả lãi hàng tháng, còn về nợ gốc không thoả thuận lại về thời hạn trả, nhưng bị đơn vẫn không thực hiện trả lãi Hng tháng, mặc dù đã nhiều lần yêu cầu, nên phải kiện yêu cầu trả nợ gốc và trả nợ lãi. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng về thời hiệu khởi kiện để giải quyết là có căn cứ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên toà, các đương sự thừa nhận ngày 18/01/2013 (Âm lịch), bà Lê Thị S và con trai là anh Nguyễn Xuân H có vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của ông Nguyễn Tiến N, có viết "Giấy vay tiền", có thoả thuận lãi suất 3% tháng, thoả thuận thời hạn trả là 02 tháng phải trả hết cả tiền gốc và tiền lãi. Nhưng do bà S và anh H không trả tiền lãi theo thoả thuận, nên ông N khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà S và anh H trả nợ tiền gốc và trả tiền nợ lãi, mặt khác các đương sự không yêu cầu áp dụng quy định

về thời hiệu khởi kiện, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Nên Toà án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về đề nghị của bị đơn:

Bị đơn xuất trình chứng cứ là 02 tờ giấy kẻ ô *(01 phô tô, 01 bản gốc)* khác nhau và thừa nhận là tự viết, tự phô tô nộp cho Toà án và từ đó làm căn cứ cho rằng đã trả hết tiền nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn tổng cộng 59.100.000đ vào ngày 20/7/2013 AL, trong đó trả nợ gốc 50.000.000đ, trả nợ lãi của 06 tháng 02 ngày là 9.100.000đ, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên chứng cứ này không có xác nhận của nguyên đơn và nguyên đơn không thừa nhận. Hơn nữa ngoài chứng cứ trên, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác có liên quan có căn cứ và hợp pháp để chứng minh là đã trả nợ đầy đủ cho nguyên đơn, trong khi nguyên đơn xuất trình được giấy vay tiền chứng cứ gốc. Nên Hội đồng xét xử xét không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của bị đơn. Do đó cần buộc bị đơn phải trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Xét về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:

Do bà Lê Thị S và anh Nguyễn Xuân H không trả được tiền nợ gốc và tiền lãi theo thoả thuận cho ông Nguyễn Tiến N. Nên ông N khởi kiện yêu cầu bà S và anh H trả 50.000.000đ nợ gốc là có căn cứ. Do đó căn cứ vào các Điều 255, 256, 280, 281, 285, 290 của Bộ luật dân sự năm 2005. Cần buộc bà S và anh H phải trả 50.000.000đ nợ gốc cho ông N là có cơ sở.

[5] Xét về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn:

Khi thực hiện giao dịch, các đương sự đã thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng. Xét thấy, các bên thỏa thuận mức lãi suất này là cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Quyết định số: 2868/QĐ ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng NH nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản tại thời điểm cho vay là 9%/năm , tương ứng 0,75%/ tháng để lãi suất quá hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 474, đồng thời để tính lãi suất trong hạn theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 để buộc bà S và anh H phải trả cho ông N lãi suất phát sinh là có cơ sở.

Theo thoả thuận thời hạn trả nợ là 02 tháng, nên được tính từ ngày vay (18/01/2013 Âm lịch), nhằm ngày 27/2/2013 dương lịch đến ngày phải trả nợ là ngày 27/4/2013 dương lịch. Do đó:

+ Lãi suất trong hạn tính theo mức 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng NH nước Việt Nam quy định (0,75%/tháng x 150% = 1,125%/tháng), được tính là:

50.000.000đ x 1,125%/tháng x 02 tháng = 1.125.000đ;

+ Lãi suất quá hạn tính theo mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng, nên tính từ ngày 28/4/2013 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/5/2018 là(60 tháng 19 ngày), được tính là:

50.000.000đ x 0.75%/tháng x 60 tháng 19 ngày = 22.737.500đ.

Tổng cộng lãi trong hạn và lãi quá hạn:

1.125.000đ + 22.737.500đ = 23.862.500đ

Do đó buộc bà Lê Thị S và anh Nguyễn Xuân H trả cho ông Nguyễn Tiến N tiền nợ gốc và nợ lãi là: 50.000.000đ + 23.862.500đ = 73.862.500đ.

Nhưng do bà S đã trả cho ông N 34.000.000đ tiền lãi. Nên cần khấu trừ số tiền này vào tổng số tiền bà S và anh H phải trả, cụ thể như sau:

73.862.500đ – 34.000.000đ = 39.862.500đ

Do đó, bà Lê Thị S và anh Nguyễn Xuân H còn phải liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Tiến N tổng cộng là: 39.862.500đ (Ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng)

[6] Về án phí:

Căn cứ các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xét bà S và anh H có giấy chứng nhận hộ cận nghèo. Do đó cần tuyên miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm lẽ ra bà S và anh H phải chịu cụ thể:

39.862.600đ x 5% = 1.993.125đ

Xét yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận, nên không phải chịu án phí, do đó cần tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông N là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, khoản 2 Điều 184 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các Điều 255, 256, 280, 281, 285, 290, 298, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến N.

- Buộc bà Lê Thị S và anh Nguyễn Xuân H trả cho ông Nguyễn Tiến N nợ gốc và tiền lãi là 39.862.500đ (Ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

- Miễn toàn bộ 1.993.125đ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị S và anh Nguyễn Xuân H.

- Trả lại cho ông Nguyễn Tiến N 2.612.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006744 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi Hnh án huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/5/2018) lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để xin xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS cung cấp;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thanh